

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4444/UBND-KT

Về việc tổng hợp, báo cáo các nội dung liên quan các mỏ vật liệu phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, qua địa bàn tỉnh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 02 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Văn bản số 6757/BGTVT-QLXD2 ngày 28/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc chuẩn bị làm việc về tình hình khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các dự án thành phần cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 và Quyết định số 776/QĐ-BGTVT ngày 28/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Bình Định tổng hợp báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐĂNG KÝ KHAI THÁC MỎ VẬT LIỆU

1. Về công tác chuẩn bị mỏ vật liệu

- Công tác quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 và Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì xây dựng bổ sung Phương án thăm dò, khảo sát khoáng sản đất, cát xây dựng, đất sét, để khai thác sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đã bổ sung 138 điểm mỏ với tổng diện tích 1.734 ha, bao gồm: đất san lấp 128 điểm mỏ với tổng diện tích 1.688 ha; cát xây dựng 7 điểm mỏ với tổng diện tích 30 ha. Trong đó, có 29 điểm mỏ phục vụ cho dự án cao tốc Bắc- Nam (*khoảng 13 triệu m³*); còn lại 99 điểm mỏ phục vụ các công trình trọng điểm và nhu cầu san lấp các công trình trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và các đơn vị liên quan cung cấp đầy đủ thông tin quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, các mỏ vật liệu (*đất san lấp, đá xây dựng và cát xây dựng*) và các mỏ còn hiệu lực giấy phép cho Ban QLDA 85 và Ban QLDA 2 để khảo sát, xác định các mỏ cho phù hợp để thi công dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam, đoạn qua tỉnh Bình Định.

- Trên cơ sở quy hoạch khoáng sản của tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải phối hợp với Ban QLDA 85, Ban QLDA 2 khảo sát, đề xuất các mỏ vật liệu phục vụ thi công xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam. Qua kết quả khảo sát của Ban QLDA 85, Ban QLDA 2 (*Văn bản số 684/BQLDA2-PID3-PID6 ngày 30/3/2022 của Ban 2 và Văn bản số 685/BQLĐHDA3 ngày 28/3/2022 của Ban 85*), Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp

báo cáo và UBND tỉnh đã thống nhất tại Văn bản số 1783/UBND-KT ngày 06/4/2022 về việc các mỏ vật liệu phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đoạn qua tỉnh Bình Định.

- Đối với các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông có thường trong Hồ sơ khảo sát vật liệu phục vụ thi công dự án cao tốc, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ban QLDA 2, Ban QLDA 85 tổ chức làm việc với các chủ mỏ đề hướng dẫn thủ tục nâng công suất khai thác theo quy định tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ. Hiện nay dự án cao tốc mới triển khai giai đoạn đầu, chưa sử dụng đá làm vật liệu xây dựng. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các nhà thầu làm việc với từng chủ mỏ cụ thể để cam kết cung cấp đá làm vật liệu xây dựng cho dự án và thực hiện thủ tục nâng công suất khai thác đá theo đúng quy định.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên phối hợp với Ban QLDA 2 và Ban QLDA 85 rà soát, xem xét điều chỉnh, bổ sung các mỏ vật liệu nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vật liệu để thi công dự án cao tốc. Kết quả bổ sung, điều chỉnh mỏ vật liệu, UBND tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 3425/UBND-KT ngày 20/6/2022 gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban QLDA 2, Ban QLDA 85; đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã có các Báo cáo số 205/BC-STNMT ngày 04/11/2022, số 25/BC-STNMT ngày 20/2/2023, trong đó: 20 mỏ đất đắp, trữ lượng khoảng 23,1 triệu m³; 29 mỏ cát đã được cấp phép đang khai thác, trữ lượng 2,84 triệu m³ và 04 mỏ dự phòng (trữ lượng 0,874 triệu m³); 25 mỏ đá, trữ lượng khoảng 47,8 triệu m³ (*Chi tiết các mỏ vật liệu có Phụ lục kèm theo*).

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, xác nhận khối lượng khai thác

- UBND tỉnh có Văn bản số 1529/UBND-KT ngày 21/3/2023 về việc giải quyết hồ sơ đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ thi công Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam, theo đó, giao các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và UBND cấp huyện, xã có liên quan phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thực tế khu mỏ và tham gia góp ý Bảng đăng ký khai thác của nhà thầu, trình UBND tỉnh xác nhận cho phép khai thác theo đúng quy định.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Ban QLDA 2, Ban QLDA 85 và các nhà thầu thi công về thủ tục hồ sơ đăng ký khai thác mỏ vật liệu phục vụ thi công Dự án cao tốc Bắc - Nam (*Văn bản số 2501/STNMT-TNKS ngày 15/9/2022, Văn bản số 274/STNMT-TNKS ngày 09/2/2023, Thông báo số 14/TB-STNMT ngày 31/3/2023, Văn bản số 973/STNMT-TNKS ngày 03/4/2023, Văn bản số 1764/STNMT-TNKS ngày 05/6/2023*), trình tự, thủ tục giải quyết mỏ vật liệu cụ thể như sau:

- Nhà thầu thi công Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác. Hồ sơ đăng ký khai thác nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường (*thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công*) để thẩm định, trình UBND tỉnh xác nhận.

+ Thành phần hồ sơ đăng ký: theo quy định tại khoản 1, Điều 53 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ và theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022, bao gồm: Bản Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác trong đó có nội dung cam kết bảo vệ môi trường và số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với các mỏ vật liệu có trong Hồ sơ khảo sát vật liệu của dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam (*đối với các mỏ vật liệu không có trong Hồ sơ khảo sát vật liệu của dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và phải lập dự án đầu tư khai thác mỏ thì phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt*); bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích, tọa độ khu vực mỏ.

+ Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khai thác đất: theo quy định tại Điều 62 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ và theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022. Thực tế thời gian giải quyết đăng ký khai thác không quá 03 ngày kể từ khi nhà thầu bổ sung hoàn thiện đầy đủ hồ sơ. Sau khi được UBND tỉnh cấp giấy xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ hướng dẫn các nhà thầu thực hiện các thủ tục để đảm bảo điều kiện khai thác mỏ.

- Về tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Sở Tài nguyên và Môi trường tính toán và trình UBND tỉnh quyết định tính tiền cấp quyền khai thác đồng thời với hồ sơ đăng ký khai thác vật liệu và UBND tỉnh phê duyệt trong Bản xác nhận để nhà thầu thực hiện theo quy định.

3. Về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp, bồi thường, GPMB và thuê đất để khai thác khoáng sản

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương khẩn trương đưa diện tích mỏ vật liệu vào kế hoạch sử dụng đất; hỗ trợ chủ đầu tư, nhà thầu thỏa thuận với các chủ sở hữu về giá bồi thường, hỗ trợ, thuê đất, bồi thường cây cối, hoa màu... đối với các nơi có mỏ vật liệu để làm cơ sở cho thuê đất khai thác khoáng sản. Đồng thời đề nghị Ban QLDA 2, Ban QLDA 85 phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng đối với các khu vực mỏ thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp; giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các thủ tục hồ sơ đăng ký khai thác, lập hồ sơ thuê đất và các thủ tục khác có liên quan.

- Hầu hết các mỏ vật liệu (đất đắp) là quy hoạch chức năng rừng sản xuất, do đó sau khi được UBND tỉnh cấp giấy xác nhận khai thác, nhà thầu phải lập thủ tục chuyển đổi đất lâm nghiệp theo Luật Lâm nghiệp (*thông qua kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh*). Đến nay, các chủ dự án đã nộp 08 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phục vụ thi công đường cao tốc Bắc – Nam với diện tích khai thác đất 86 ha.

- Nhà thầu thực hiện hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, lập hồ sơ xin thuê đất để khai thác khoáng sản theo quy định. Các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh có trong Hồ sơ khảo sát vật liệu để phục vụ Dự án cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 của Ban QLDA 2 và Ban QLDA 85 nhưng không thuộc hạng mục của

Dự án được phê duyệt nên không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1, Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013.

Các nhà thầu thi công xây dựng Dự án sau khi được UBND tỉnh cấp Bản xác nhận khối lượng khai thác trong Hồ sơ đăng ký khối lượng khai thác đang thực hiện hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất đôi với đất giao quyền sử dụng đất theo quy định. Đối với đất do UBND xã, phường quản lý, nhà thầu phối hợp với địa phương để thực hiện bồi thường GPMB theo quy định.

4. Về công bố giá vật liệu: UBND tỉnh chỉ đạo Liên Sở Xây dựng – Tài chính thực hiện công bố giá VLXD theo định kỳ hàng tháng theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và Văn bản số 4682/BXD-KTXD ngày 18/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc công bố giá vật liệu, chỉ số giá xây dựng để triển khai dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025. Đề nghị các nhà thầu thi công theo dõi website của Sở Xây dựng để cập nhật công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

5. Kết quả khảo sát, đăng ký khai thác mỏ vật liệu thi công tuyến chính Dự án cao tốc

Theo số liệu cung cấp của Ban Quản lý dự án 85 và Ban Quản lý dự án 2 thì tổng nhu cầu vật liệu phục vụ thi công xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam, đoạn qua tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 như sau:

- Đất san lấp: 13 triệu m³.
- Cát xây dựng: 1,8 triệu m³.
- Đá xây dựng: 4,5 triệu m³.

a. Ban quản lý dự án 2 thực hiện đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (thuộc địa bàn tỉnh Bình Định)

- Đá xây dựng: nhu cầu 538 nghìn m³, Ban 2 đề xuất 04 mỏ đá ở Hoài Nhơn (HTX Bình Đê, Công ty Trường Thịnh, Hoài Mỹ, Kim Thành). Tổng trữ lượng cấp phép 4 mỏ đá là 6,7 triệu m³, tổng công suất cấp phép 4 mỏ đá là 271 nghìn m³/năm.

- Cát xây dựng: nhu cầu 300 nghìn m³, Ban 2 đề xuất 06 mỏ cát, trong đó: Hoài Nhơn 02 mỏ (Công ty Thành Hương, Tân Thành); Hoài Ân 01 mỏ (Công ty Trường Vũ); An Lão 03 mỏ (Công ty Quốc Nghê, Ngọc Lâm, Thành Tín) và đề xuất sử dụng 02 điểm mỏ thuộc quy hoạch khoáng sản của tỉnh (điểm mỏ 36D ở Ân Tín, Hoài Ân và 36A ở Bồng Sơn, Hoài Nhơn và Ân Thạnh, Hoài Ân). Tổng trữ lượng cấp phép 6 mỏ cát là 0,4 triệu m³, 02 điểm quy hoạch mỏ còn lại chưa cấp phép với trữ lượng khoảng 0,6 triệu m³. Vừa qua, Công ty CP Tập đoàn Đèo Cả đề xuất đăng ký khai thác cát tại sông An Lão thuộc xã Ân Hảo Đông và xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân với trữ lượng khoảng 100.000m³, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra và hướng dẫn nhà thầu hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan để trình UBND tỉnh xác nhận.

- Đất san lấp: trước đây Ban QLDA 2 đề xuất cấp mới 05 mỏ đất đắp nền ở Hoài Nhơn, trong đó Hoài Thành Tây (02 mỏ), Hoài Tân (03 mỏ) với tổng trữ lượng 5 mỏ đất khoảng 8,9 triệu m³. Đến nay có 02 nhà thầu (Công ty CP Tập đoàn Đèo Cả và Công ty CP Trường Long) được UBND tỉnh xác nhận hồ sơ đăng ký khai thác đất với tổng trữ lượng là 3.849.656 m³.

b. Ban quản lý dự án 85: thực hiện đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn và đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh (thuộc địa bàn tỉnh Bình Định)

**** Đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn:***

- Đá xây dựng: nhu cầu 2,66 triệu m³, Ban 85 đề xuất 8 mỏ đá, trong đó: 04 mỏ đá ở Tuy Phước (Công ty Thuận Đức, Công ty Mỹ Quang, Công ty Yên Tùng, Công ty Thịnh Phát Quy Nhơn), 02 mỏ đá ở thị xã An Nhơn (Công ty Phú Tài, Công ty Ánh Sinh), 02 mỏ đá ở Hoài Nhơn (HTX Bình Đê, Công ty Trường Thịnh). Tổng trữ lượng cấp phép là 18,7 triệu m³, tổng công suất cấp phép 8 mỏ đá là 850 nghìn m³/năm.

- Cát xây dựng: nhu cầu 0,93 triệu m³, Ban 85 đề xuất 15 mỏ cát cho đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn, trong đó 03 mỏ ở Hoài Nhơn (Công ty Thành Hương- 02 mỏ, Công ty Tân Thành); Hoài Ân 01 mỏ (Công ty Trường Vũ); Phù Mỹ 01 mỏ (Công ty Thảo Trinh); Phù Cát 01 mỏ (Công ty An Phước); An Nhơn 03 mỏ (Công ty Minh Trực- 02 mỏ, An Vũ); Tuy Phước 01 mỏ (Công ty Yên Tùng); Tây Sơn 05 mỏ (Công ty Đắc Tài, Tuấn Phong, Phú Hưng Hà Nội, Thương Thương Nguyễn - 02 mỏ). Tổng trữ lượng cấp phép 13 mỏ cát là 1,15 triệu m³, 02 mỏ còn lại chưa cấp phép với trữ lượng khoảng 0,44 triệu m³. Hiện nay, Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn đăng ký khai thác mỏ cát sông An Lão thuộc xã An Hảo Tây và xã An Hảo Đông, huyện Hoài Ân với trữ lượng 145.000 m³. Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổng hợp hồ sơ để trình UBND tỉnh xác nhận.

- Đất san lấp: nhu cầu 8,3 triệu m³, Ban 85 đề xuất cấp mới 14 mỏ đất cho đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn, trong đó Hoài Nhơn 01 mỏ (Bồng Sơn); Hoài Ân 04 mỏ (Ân Phong 02 mỏ, Ân Tường Đông 02 mỏ); Phù Mỹ 03 mỏ (Mỹ Trinh 01 mỏ, Mỹ Hiệp 02 mỏ); Phù Cát 03 mỏ (Cát Lâm 02 mỏ, Cát Hiệp 01 mỏ); Tây Sơn 02 mỏ (Tây Bình, Bình Nghi), An Nhơn 01 mỏ (Nhơn Tân). Tổng trữ lượng khảo sát 14 mỏ đất là 8,9 triệu m³. Đến nay có 04 nhà thầu được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh xác nhận đăng ký khai thác với tổng trữ lượng 2.550.376 m³; 05 khu vực mỏ đã tổ chức kiểm tra và hướng dẫn nhà thầu hoàn thiện hồ sơ đăng ký khai thác với tổng trữ lượng 3.272.292 m³.

**** Đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh (thuộc địa bàn tỉnh Bình Định):***

- Đá xây dựng: nhu cầu 1,29 triệu m³, Ban 85 đề xuất 13 mỏ đá, trong đó 07 mỏ đá ở thị xã An Nhơn (Công ty Phú Tài, Công ty Ánh Sinh, Công ty VRG, Công ty An Bình, Công ty Thanh Xuân, Công ty Trường Thành Đại Phát, Công ty Tấn Phát); 05 mỏ đá ở Tuy Phước (Công ty Thuận Đức, Công ty Mỹ Quang, Công ty Yên Tùng, Công ty Thịnh Phát Quy Nhơn, Công ty Nguyên Tường) và 01 mỏ đá ở Quy Nhơn (Công ty Mỹ Thịnh). Tổng trữ lượng cấp phép là 24 triệu m³; tổng công suất cấp phép 13 mỏ đá là 1,1 triệu m³/năm.

- Cát xây dựng: nhu cầu 0,55 triệu m³, Ban 85 đề xuất 10 mỏ cát cho đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh, trong đó An Nhơn 03 mỏ (Công ty Minh Trực, An Vũ, Minh Hiếu); Tây Sơn 03 mỏ (Công ty Đắc Tài, Tuấn Phong, Phú Hưng Hà Nội); Vân Canh 02 mỏ (Công ty Tân Thịnh, Khôi) Tuy Phước 01 mỏ (Công ty Mỹ Điền); Quy Nhơn 01 mỏ (Công ty Như Ý). Tổng trữ lượng cấp phép 10 mỏ cát là 1,29 triệu m³.

- Đất san lấp: nhu cầu 1,7 triệu m³, Ban 85 đề xuất cấp mới 02 điểm mỏ đất cho đoạn Quy Nhơn- Chí Thạnh, trong đó Tây Sơn 01 mỏ (Bình Nghi), Vân Canh 01 mỏ (Canh Hiên). Đến nay có 03 nhà thầu được UBND tỉnh xác nhận đăng ký khai thác với tổng trữ lượng là 1.224.649 m³.

6. Đối với các mỏ đất phục vụ các khu tái định cư dự án cao tốc

- Đối với mỏ vật liệu phục vụ các khu tái định cư dự án cao tốc không được áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và các Nghị Quyết của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022 do không có trong Hồ sơ khảo sát vật liệu của Ban Quản lý dự án 2 và Ban Quản lý dự án 85 để thi công dự án cao tốc.

- Khó khăn, vướng mắc mỏ vật liệu phục vụ các khu tái định cư dự án cao tốc, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2189/UBND-KT ngày 12/4/2023 kiến nghị Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 2195/UBND-KT ngày 12/4/2023 kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết.

- Bộ Giao thông vận tải đã có Văn bản số 4235/BGTVT-CQLXD ngày 25/4/2023 và Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 3110/BTNMT-KSVN ngày 05/5/2023 trả lời kiến nghị tỉnh Bình Định với nội dung: trong bước thiết kế kỹ thuật các gói thầu xây lắp của Dự án cao tốc không có hồ sơ về quy hoạch, vị trí dự kiến, hồ sơ khảo sát,... của các khu tái định cư, khu vực mỏ vật liệu san lấp phục vụ các khu vực tái định cư nên không đủ cơ sở áp dụng các cơ chế đặc thù, vượt thẩm quyền giải quyết của Bộ (Bộ Tài nguyên và Môi trường). Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải sẽ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Trong khi chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền về cơ chế đặc thù đối với nội dung nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giao thông vận tải đề nghị UBND tỉnh Bình Định chủ động xử lý, tháo gỡ theo thẩm quyền, khẩn trương xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến khu tái định cư phục vụ công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo quy định, đáp ứng tiến độ chung của dự án.

- Để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc nguồn vật liệu đất đắp các khu tái định cư, UBND tỉnh có Thông báo số 208/TB-UBND ngày 15/6/2023 chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát các mỏ đất thi công các công trình ngân sách nhà nước đã cấp trên địa bàn, nếu đảm bảo trữ lượng đề xuất cho phép nâng công suất (không quá 50%) để thi công khu tái định cư. Đối với các mỏ chưa sử dụng, ưu tiên phục vụ tái định cư, đề xuất chuyển mục đích sử dụng khoáng sản phục vụ thi công khu tái định cư; Phối hợp với Ban Quản lý dự án 85 và Ban Quản lý dự án 2 rà soát, thống nhất lượng đất dư thừa khi thi công hạ cost tuyến chính cao tốc, đảm bảo chất lượng thi công tái định cư, báo cáo UBND tỉnh quyết định. Đồng thời, yêu cầu các nhà thầu thi công tái định cư thực hiện các quy định liên quan đến khoáng sản trong trường hợp sử dụng lượng vật liệu này.

Ngày 20/6/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục có Văn bản số 4766/BTNMT-KSVN hướng dẫn khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng

thông thường phục vụ các Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc, tuy nhiên đối với các mỏ vật liệu xây dựng phục vụ thi công các khu tái định cư không được áp dụng cơ chế đặc thù. Do đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục yêu cầu các địa phương thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 208/TB-UBND ngày 15/6/2023 để kịp thời gian xây dựng các khu tái định cư.

Tình hình triển khai của các địa phương

- Huyện Hoài Ân: UBND tỉnh đồng ý cho sử dụng đất thừa Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi để lập hồ sơ, thủ tục cấp phép khai thác đất tại Văn bản số 3164/UBND-KT ngày 18/05/2023 (để thay thế các mỏ được UBND tỉnh đồng ý tại văn bản số 1083/UBND-KT ngày 02/3/2023). Trên cơ sở ý kiến của BQL dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân tại Văn bản số 475/BQL ngày 23/5/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 1655/STNMT-TNKS ngày 29/5/2023 hướng dẫn lập hồ sơ cấp phép.

- Thị xã Hoài Nhơn: UBND tỉnh đã có chủ trương tại văn bản số 5011/UBND-KT ngày 30/8/2022 đồng ý cho UBND thị xã Hoài Nhơn được sử dụng 06 mỏ đất để thi công các khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 2446/STNMT-TNKS ngày 12/9/2022 đề nghị UBND thị xã Hoài Nhơn chỉ đạo đơn vị thi công khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thủ tục liên quan để cấp phép khai thác đất tại 06 điểm mỏ được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương.

- Huyện Phù Mỹ: UBND tỉnh có Văn bản số 4014/UBND-KT ngày 16/6/2023 đồng ý chủ trương cho UBND huyện Phù Mỹ sử dụng mỏ đất tại núi Nhông, thôn Trà Lương, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ (đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác số 83/GP-UBND ngày 29/10/2020 cho Công ty TNHH Tổng hợp HTC) để phục vụ thi công khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam.

- Huyện Phù Cát: UBND tỉnh cấp giấy phép số 114/GP-UBND ngày 16/6/2023 cho Công ty TNHH Tân Lập sử dụng mỏ tại núi Một, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát với diện tích 2ha phục vụ thi công Dự án tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông.

- Thị xã An Nhơn: UBND tỉnh có Văn bản số 7460/UBND-KT ngày 08/12/2022 đồng ý cho UBND thị xã An Nhơn khai thác đất san lấp tại khu vực có diện tích 2,997ha thuộc núi Sơn Triều, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn để thi công 02 dự án Khu tái định cư phường Nhơn Hòa và Khu tái định cư xã Nhơn Phúc phục vụ GPMB thi công các dự án thành phần Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam. Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị UBND thị xã An Nhơn chỉ đạo đơn vị thi công khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thủ tục liên quan để cấp phép khai thác đất tại các điểm mỏ núi Sơn Triều.

- Huyện Tuy Phước: UBND tỉnh có Văn bản số 4031/UBND-KT ngày 17/6/2023 đồng ý chủ trương cho UBND huyện Tuy Phước sử dụng mỏ đất đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép số 54/GP-UBND ngày 13/7/2020 khai thác đất tại xã Bình Nghi cho Công ty TNHH Sản xuất tổng hợp Thành Đạt để phục vụ thi công dự án khu tái định cư phục vụ dự án đường cao tốc Bắc – Nam.

- Đối với các khu tái định cư của huyện Tây Sơn và thành phố Quy Nhơn sử dụng các điểm mỏ đã cấp phép và cân bằng đào đắp để thi công.

II. NHẬN XÉT

1. Về đá làm vật liệu xây dựng

Theo đề xuất của Ban QLDA 2 và Ban QLDA 85 thì tổng khối lượng phục vụ toàn bộ 03 đoạn tuyến cao tốc trên địa bàn tỉnh khoảng 4,5 triệu m³, trong khi đó tổng trữ lượng đã cấp phép 19 mỏ đá được 02 Ban lựa chọn là 29 triệu m³, tổng công suất khai thác đạt 1,4 triệu m³/năm (*trong đó có một số mỏ đá được được lựa chọn chung cả 02 tuyến: mỏ đá Thuận Đức, Phú Tài, Mỹ Quang, Thịnh Phát Quy Nhơn, Yên Tùng cho tuyến Hoài Nhơn - Quy Nhơn và Quy Nhơn - Chí Thạnh; mỏ đá HTX Bình Đê và Trường Thịnh chung cho tuyến Hoài Nhơn – Quy Nhơn và Quảng Ngãi – Hoài Nhơn*). Hiện tổng trữ lượng cấp phép đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Định là 60,2 triệu m³, công suất cấp phép 2,3 triệu m³/năm, trong đó sản lượng khai thác thực tế 1,4 triệu m³/năm (chiếm 61% tổng công suất được cấp phép). Trường hợp Ban 2 và Ban 85 lựa chọn các mỏ sử dụng phục vụ cho cao tốc, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ đề xuất UBND tỉnh cho phép nâng công suất các mỏ đá không quá 50% công suất ghi trong giấy phép khai thác theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2022 của Chính phủ trữ lượng được cấp phép trên địa bàn tỉnh đủ đáp ứng về nhu cầu cầu phục vụ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2023-2025 khoảng 10,3 triệu m³).

2. Về cát xây dựng

Theo đề xuất của 02 Ban thì nhu cầu cát xây dựng cho 03 tuyến là 1,8 triệu m³, trong khi đó tổng trữ lượng đã cấp phép đối với 23 mỏ cát được lựa chọn là 2,2 triệu m³, tổng công suất khai thác đạt 354.000 m³/năm (*trong đó có một số mỏ cát được được lựa chọn chung cả 02 tuyến: mỏ Đắc Tài, Tuấn Phong, Phú Hưng Hà Nội, An Vũ cho tuyến Hoài Nhơn - Quy Nhơn và Quy Nhơn - Chí Thạnh; mỏ cát Tân Thành, Thành Hương, Trường Vũ chung cho tuyến Hoài Nhơn – Quy Nhơn và Quảng Ngãi – Hoài Nhơn*).

Phần lớn các Giấy phép khai thác cát được cấp có thời hạn 02 năm, cụ thể trong số 23 giấy phép do 02 Ban trước đây lựa chọn phục vụ cao tốc có 05 giấy phép đã hết hạn và đang làm hồ sơ đóng cửa mỏ; 07 giấy phép đã hết hạn và đang làm hồ sơ gia hạn; 06 giấy phép hết hạn trong năm 2023; 05 giấy phép hết hạn trong năm 2024. Ngoài ra, việc triển khai dự án cao tốc cùng lúc với các công trình hạ tầng, giao thông của tỉnh thì có khả năng trong thời gian đến sẽ thiếu cát cục bộ một số thời điểm. Nội dung này Sở Tài nguyên và Môi trường đã có các văn bản đề nghị Ban QLDA 2, Ban QLDA 85 và các nhà thầu thi công khảo sát, bổ sung các mỏ cát để thi công dự án cao tốc Bắc – Nam (*Văn bản số 2501/STNMT-TNKS ngày 15/9/2022, Thông báo số 14/TB-STNMT ngày 31/3/2023 của Sở TNMT*). Đến nay chỉ có Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn và Công ty cổ phần tập đoàn Đèo Cả xin đăng ký khai thác mỏ cát lòng sông thuộc sông An Lão thuộc xã Ân Hảo Tây và xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân.

Về việc Ban QLDA 85 đề nghị khai thác cát và đất san lấp tại Khu công nghiệp Hòa Hội, huyện Phù Cát để thi công Dự án thành phần Hoài Nhơn- Quy Nhơn, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, qua đó các sở, ngành, địa

phương không thống nhất việc khai thác đất, cát tại KCN Hòa Hội (do trong Khu công nghiệp Hòa Hội đang thiếu đất đắp phục vụ san lấp mặt bằng).

3. Về đất đắp nền đường: Ban QLDA 85 và Ban QLDA 2 đề xuất cấp mỏ đất mới toàn bộ các mỏ đất (không sử dụng các mỏ đất mà UBND tỉnh đã cấp phép) với tổng trữ lượng 13 triệu m³. Trong khi đó trữ lượng khảo sát đối với 20 mỏ đất khoảng 23 triệu m³. Đến nay có 09 đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và trình UBND tỉnh xác nhận đăng ký khai thác với tổng trữ lượng là 7.624.681 m³; 05 khu vực mỏ đã tổ chức kiểm tra và hướng dẫn nhà thầu hoàn thiện hồ sơ đăng ký khai thác với tổng trữ lượng 3.272.292 m³.

(Thông tin đăng ký mỏ vật liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Qua báo cáo của các địa phương trên địa bàn tỉnh, nội dung vướng mắc cơ bản hiện nay là thủ tục cấp mỏ vật liệu phục vụ các khu tái định cư dự án cao tốc không được áp dụng cơ chế đặc thù mà phải thực hiện theo Luật khoáng sản và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ (lập hồ sơ thăm dò, phê duyệt trữ lượng, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, chuyển đổi đất lâm nghiệp, đăng ký kế hoạch sử dụng đất, ...). Việc lập hồ sơ hoạt động khoáng sản sau khi xác định nhà thầu thi công, mất nhiều thời gian (do không được áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp mỏ vật liệu theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường) nên không kịp tiến độ để hoàn thành các Khu tái định cư phục vụ Dự án đường bộ cao tốc trước thời điểm 30/6/2023.

Hiện nay, việc gia hạn các mỏ cát xây dựng gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng đến các công trình thủy lợi, đê kè, đường vận chuyển... Theo báo cáo kết quả khai thác hàng năm của các doanh nghiệp, tính toán trữ lượng còn lại và một số khu vực mỏ đang lập hồ sơ khai thác thì trữ lượng cát lòng sông có thể huy động vào khai thác phục vụ cao tốc khoảng 1 triệu m³ (thiếu 0,8 triệu m³ so với nhu cầu thực tế). Đồng thời, các tỉnh khu vực miền Trung chưa được phép nâng công suất không quá 50% công suất ghi trong giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông mà không phải lập lại dự án đầu tư điều chỉnh, báo cáo ĐTM (theo Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 19/10/2022 chỉ áp dụng cho các mỏ cát, sỏi lòng sông thuộc đồng bằng sông Cửu Long và Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 không áp dụng đối với cát, sỏi lòng sông, cửa biển) và Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông có quy định: Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày, từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, không được khai thác ban đêm; quy định về thời gian khai thác trong năm (không khai thác vào mùa mưa lũ).

Hiện nay, một số nhà thầu kiến nghị điều chỉnh, bổ sung mỏ vật liệu đất san lấp, cát xây dựng không thuộc danh mục Hồ sơ khảo sát mỏ vật liệu do Ban QLDA 2, Ban QLDA 85 đề xuất ban đầu để phục vụ thi công dự án cao tốc. Do đó Sở Tài nguyên và Môi trường phải lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và đề nghị nhà thầu thực hiện việc khảo sát, đánh giá trữ lượng, chất lượng vật liệu nên mất nhiều thời gian để hoàn thành thủ tục đăng ký khai thác.

IV. KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải quan tâm xem xét giải quyết một số nội dung như sau:

- Kiến nghị Chính phủ cho phép UBND tỉnh Bình Định bổ sung các mỏ vật liệu thi công xây dựng các khu tái định cư phục vụ dự án cao tốc vào Hồ sơ khảo sát vật liệu và được áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, các Nghị quyết của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1411/BTNMT-DCKS ngày 18/3/2022.

- Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Chính phủ ban hành Nghị quyết bổ sung nội dung cho phép UBND các tỉnh khu vực miền Trung được phép quyết định nâng công suất không quá 50% công suất ghi trong giấy phép khai thác cát sỏi lòng sông mà không phải lập lại dự án đầu tư điều chỉnh, báo cáo đánh giá tác động môi trường (*Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 19/10/2022 của Chính phủ chỉ áp dụng cho các mỏ cát, sỏi lòng sông thuộc đồng bằng sông Cửu Long và không áp dụng đối với cát, sỏi lòng sông, cửa biển các tỉnh miền Trung*) và khung thời khai thác trong ngày và hướng dẫn khai thác trong mùa mưa lũ (*theo Nghị định số 23/2020/NĐ-CP*) để đảm bảo cung ứng phục vụ cao tốc.

- Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Ban QLDA 2, Ban QLDA 85 và các nhà thầu thi công tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan và chính quyền địa phương có liên quan tổ chức khảo sát, đề xuất bổ sung các khu vực mỏ cát lòng sông để đảm bảo khối lượng thi công phục vụ công trình.

- Bộ Giao thông vận tải có ý kiến thống nhất đối với các vị trí mỏ vật liệu do Ban QLDA 2, Ban QLDA 85 và các nhà thầu thi công đề xuất bổ sung (*không có trong Hồ sơ khảo sát vật liệu ban đầu*) để đảm bảo các quy định về Hồ sơ khảo sát vật liệu phục vụ thi công dự án cao tốc Bắc - Nam làm cơ sở cho UBND tỉnh Bình Định xác nhận đăng ký khai thác.

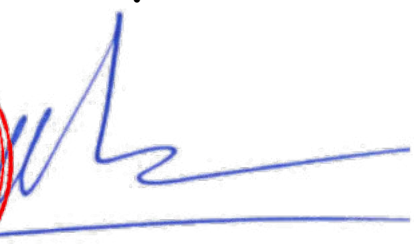
UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, XD, GTVT;
- Ban QLDA 2, 85;
- UBND các huyện TS, TP, PC, PM, HA;
- UBND các thị xã AN, HN;
- UBND thành phố Quy Nhơn.
- CVP, PVP TD;
- TCT của CT UBND tỉnh;
- Lưu VT, K4, K19. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 11
TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC MỎ VẬT LIỆU PHỤC VỤ DỰ ÁN CAO TỐC BẮC - NAM
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhà thầu	Kết quả giải quyết	Vị trí, diện tích mỏ vật liệu	Trữ lượng (m ³)	Tiến độ giải quyết hồ sơ	Ghi chú
A	ĐẤT SAN LẤP					
I	Đoạn tuyến Quảng Ngãi - Hoài Nhơn					
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Bản xác nhận số 3850/XN-UBND ngày 13/6/2023	mỏ đất TDHN19, phường Hoài Thanh Tây và phường Hoài Hảo, thị xã Hoài Nhơn (15,04ha)	2.444.444	25 ngày (18/5-13/6)	
2	Công ty Cổ phần Trường Long	Sở TN&MT có Tờ Trình số 742/TTr-STNMT ngày 27/6/2023	mỏ đất TDHN26, phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn (12,3ha)	1.405.212	18 ngày (12/6-30/6)	
II	Đoạn tuyến Hoài Nhơn – Quy Nhơn					
3	Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải	Bản xác nhận số 2674/XN-UBND ngày 28/4/2023	mỏ đất TDPM26, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ (10,38ha)	Đất: 730.600 Đá: 100.000	34 ngày (24/3-28/4)	
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	Bản xác nhận số 4172/XN-UBND ngày 22/6/2023	mỏ đất TDTS27, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn (19,91ha)	1.350.000	10 ngày (12/6-22/6)	

TT	Tên nhà thầu	Kết quả giải quyết	Vị trí, diện tích mỏ vật liệu	Trữ lượng (m ³)	Tiến độ giải quyết hồ sơ	Ghi chú
5	Công ty Cổ phần 471	Bản xác nhận số 4230/XN-UBND ngày 23/6/2023	mỏ đất TDTS27, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn (4,08ha)	263.169	4 ngày (19/6-23/6)	
6	Công ty TNHH Nhật Minh	Sở TN&MT có Tờ Trình số 756/TTr-STNMT ngày 30/6/2023	mỏ đất 174A, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn (5,34 ha)	206.607		
7	Công ty CP Tập đoàn Phúc Lộc	Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra ngày 28/6/2023	mỏ đất TDTS23 xã Tây Bình, huyện Tây Sơn (5,7ha)	304.413		Công ty đang chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ
8	Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 8-CTC	Văn bản số 4340/UBND-KT ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh đồng ý chủ trương	mỏ đất TDTS27, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn (8,83ha)	721.191		
9	Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	Sở TN&MT tổ chức họp ngày 26/6/2023	mỏ đất TDHN30 tại Gò Bà Nông, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn (4,5ha)	475.459		Công ty đang chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đăng ký khai thác
10	Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải	Sở TN&MT đã kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh tại Văn bản số	mỏ đất TDPM10, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ (5,78ha)	270.090		Công ty nộp hồ sơ ngày 27/6/2023

TT	Tên nhà thầu	Kết quả giải quyết	Vị trí, diện tích mỏ vật liệu	Trữ lượng (m ³)	Tiến độ giải quyết hồ sơ	Ghi chú
		2090/STNMT-TNKS ngày 29/6/2023				
11	Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải	Công ty nộp hồ sơ đăng ký khai thác ngày 27/6/2023	mỏ đất TDPM26 (phần bổ sung mở rộng), xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ (18,88ha)	1.501.139		Mỏ đất đang xin bổ sung quy hoạch và chưa có trong Hồ sơ khảo sát vật liệu, Sở TN&MT đang hướng dẫn Công ty hoàn thiện thủ tục liên quan
III	Đoạn tuyến Quy Nhơn – Chí Thạnh					
12	Tổng Công ty xây dựng số 1 – CTCP	Bản xác nhận số 3763/XN-UBND ngày 09/6/2023	mỏ đất TDVC07, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh (10ha)	500.000	48 ngày (21/4-09/6)	
13	Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	Bản xác nhận số 4067/XN-UBND ngày 09/6/2023	mỏ đất TDVC07, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh (11ha)	599.649	22 ngày (17/5-09/6)	
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Tây An	Sở TN&MT có Tờ Trình số 752/TTr-STNMT ngày 28/6/2023	mỏ đất TDTS27, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn (2,6 ha)	125.000		

TT	Tên nhà thầu	Kết quả giải quyết	Vị trí, diện tích mỏ vật liệu	Trữ lượng (m ³)	Tiến độ giải quyết hồ sơ	Ghi chú
B	CÁT XÂY DỰNG					
I	Đoạn tuyến Hoài Nhơn – Quy Nhơn					
1	Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	Sở TN&MT đã tổ chức họp thẩm định hồ sơ ngày 09/6/2023	Mỏ cát 31, xã Ân Hảo Tây và Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân (5,967 ha)	145.862		Công ty đang chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đăng ký khai thác
II	Đoạn tuyến Quảng Ngãi –Hoài Nhơn					
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Sở TN&MT đã tổ chức kiểm tra ngày 22/6/2023	mỏ cát sông An Lão, xã Ân Hảo Tây và xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân (5,9 ha)	110.000		Mỏ cát chưa có trong Hồ sơ khảo sát vật liệu. Công ty đang phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện hồ sơ pháp lý

PHỤ LỤC X
CÁC MỎ CÁT DỰ PHÒNG CHO CAO TỐC
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

TT	Số hiệu điểm QH	Toạ độ (VN2000 múi 3 độ, KTT 108)			Vị trí	Diện tích (ha)	Chiều dày (m)	Tài nguyên (m3)	Hiện trạng rừng
		STT	X (m)	Y (m)					
1	31A	1	570,664.49	1,604,269.42	Sông An Lão, xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân	5,40	2,0	108.000	Bãi bồi lòng sông
		2	570,767.13	1,603,969.98					
		3	570,899.13	1,603,624.63					
		4	570,853.93	1,603,610.74					
		5	570,681.24	1,603,909.46					
		6	570,604.21	1,604,152.27					
2	31	1	571,919.51	1,598,950.98	Sông An Lão, xã Ân Hảo Tây và Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân	7,70	2,0	154.000	Bãi bồi lòng sông
		2	572,003.50	1,598,936.05					
		3	571,987.17	1,598,640.31					
		4	571,812.92	1,598,341.04					
		5	571,727.63	1,598,358.99					
3	36A	1	577,612.32	1,595,055.52	Sông An Lão, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân	5,60	2,0	112.000	Bãi bồi lòng sông
		2	577,858.32	1,595,092.32					
		3	578,196.44	1,594,954.98					
		4	578,179.52	1,594,880.05					
		5	577,924.60	1,594,953.17					
		6	577,625.86	1,594,996.79					
4	126A	1	559,942.48	1,554,328.31	Sông Kôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	25,00	2,0	500.000	Bãi bồi lòng sông
		2	560,170.24	1,554,327.63					
		3	560,277.32	1,554,131.61					
		4	560,215.21	1,553,563.54					
		5	560,234.11	1,553,417.53					
		6	560,004.82	1,553,416.99					
		7	559,948.21	1,553,908.69					
Tổng cộng						43,7		874.000	

5	31				Nạo vét sông Kôn trên địa bàn huyện Tây Sơn	200,00	2,0	1300000 (sử dụng cho cao tốc 650 nghìn m3)	Dự án Nạo vét
---	----	--	--	--	---	--------	-----	---	---------------

PHỤ LỤC IX
CÁC MỎ ĐẤT SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN QUY NHƠN- CHÍ THẠNH
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

TT	Số hiệu điểm mỏ	Tên gọi	Xã	Diện tích (ha)	Chiều dày (m)	Tài nguyên (m3)	Nguồn gốc đất	Hiện trạng rừng
I	Tây Sơn			41,30		2.065.000		
1	TDTS27	ĐN Thôn 4	Bình Nghi	41,30	5,0	2.065.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
II	Vân Canh			43,00		3.225.000		
2	TDVC7	Hiển Đông 2	Canh Hiển	43,00	7,5	3.225.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
Tổng cộng				84,30		5.290.000		

PHỤ LỤC VIII
CÁC MỎ CÁT SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN QUY NHƠN – CHÍ THẠNH
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin về giấy phép khai thác							
	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép	Ngày cấp	Diện tích (ha)	Vị trí mỏ khai thác	Thời hạn được phép khai thác	Công suất khai thác m3/năm	Trữ lượng cấp phép (m3)
1	Công ty TNHH Thương mại Minh Trực	32/GP-UBND gia hạn	14/4/2021	2,0	sông Kôn, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	Đến ngày 30/9/2022	10.000	40.000
2	Công ty TNHH SXTM&DV Như Ý	94/GP-UBND (gia hạn)	19/8/2021	1,9	sông Hà Thanh, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn	2 năm	10.000	42.041
3	Công ty TNHH Mỹ Điền	117/GP-UBND	20/10/2021	1,7	sông Hà Thanh, xã Phước Thành	9/22/2022	10.000	45.000
4	Công ty TNHH Đắc Tài	07/GP-UBND (gia hạn)	13/01/2022	2,5	sông Kôn, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	9/10/2023	10.000	31.664
5	Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Phong	08/GP-UBND	13/01/2022	2,6	sông Kôn, xã Nhơn Mỹ. Thị xã An Nhơn	9/10/2023	11.262	41.189
6	Công ty TNHH Tân Thịnh	03/GP-UBND (gia hạn)	07/1/2022	5,0	sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	9/6/2023	12.500	120.169
7	Công ty TNHH TM&XD Khôi	01/GP-UBND	07/01/2022	8,0	sông Hà Thanh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	9/9/2023	30.500	170.103

8	Công ty TNHH MTV An Vũ	51/GP-UBND gia hạn	26/6/2020	2,2	sông Kôn, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	2 năm	11.000	45.223
9	Công ty CP ĐT Phú Hưng Hà Nội	52/GP-UBND	01/7/2020	26,9	sông Kôn, xã Tây Xuân, Bình Hòa, TT Phú Phong, huyện Tây Sơn	2 năm	100.000	672.500
10	Công ty TNHH XD TH Minh Hiếu	86/GP-UBND	29/10/2020	1,4	sông Kôn, phường Nhơn Hòa, An Nhơn	2 năm	11.000	31.472
Tổng cộng							216.262	1.239.361

PHỤ LỤC VII
CÁC MỎ ĐÁ SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN QUY NHƠN- CHỈ THẠNH
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin về giấy phép khai thác							
	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép	Ngày cấp	Diện tích (ha)	Vị trí mỏ khai thác	Thời hạn được phép khai thác	Công suất khai thác m3/năm	Trữ lượng cấp phép (m3)
1	Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức	23/QĐ-UBND	23/4/2008	7,2	mỏ đá núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	10 năm 25 năm	165.000	2.815.333
2	Công ty Cổ phần Phú Tài	28/GP-UBND	05/4/2010	10	Tại mỏ đá núi Sơn Triều, Nhơn Hòa, An Nhơn	25 năm	176.500	5.380.963
3	Công ty TNHH Tấn Phát	69/GP-UBND	03/12/2012	11,68	Tại núi Chà, phường Nhơn Hòa, h.An Nhơn	30 năm	45.000	1.318.440
4	Công ty CP VRG Đá Bình Định	06/GP-UBND	14/01/2013	7	mỏ đá núi Sơn Triều, Nhơn Hòa, An Nhơn	30 năm	35.000	1.214.347
5	Công ty CP QL& XD Đường bộ BĐ	28/GP-UBND	28/4/2014	3	núi Sơn Triều, Nhơn Hòa, An Nhơn	20 năm	25.000	455.700
6	Công ty CP VLXD Mỹ Quang	40/GP-UBND	7/17/2014	8	Núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	30 năm	190.000	1.475.710

7	Công ty TNHH TM&DV TH Thanh Xuân	05/GP-UBND	25/01/2017	9,5	mỏ đá núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	25 năm	105.000	1.352.344
8	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thịnh Phát Quy Nhơn	16/GP-UBND	13/2/2018	10,13	Tại mỏ đá núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	29 năm	115.000	3.742.990
9	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và TM Yên Tùng	65/GP-UBND	25/9/2018	6	mỏ đá núi Sơn triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	6 năm	100.000	347.965
10	Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp An Bình	06/GP-UBND	25/01/2019	15,43	mỏ đá núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	29 năm	180.000	3.591.809
11	Công ty CP Trường Thành Đại Phát	44/GP-UBND	11/5/2021	7	Tại mỏ đá núi Hòn Ngựa, Nhơn Hòa, An Nhơn	đến 01/6/2034	48.000	1.437.818
12	Công ty TNHH Khai thác Nguyên Tường	145/GP-UBND	16/12/2021	3	mỏ đá xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	19/9/2033	67.500	653.868
13	Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Mỹ Thịnh	09/GP-UBND	03/2/2021	3,6ha	mỏ đá núi Mồng Gà, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	đến 30/11/2023	66.667	274.800
Tổng cộng							1.128.667	24.062.087

PHỤ LỤC VI
CÁC MỎ ĐẤT SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN HOÀI NHƠN - QUY NHƠN
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

TT	Số hiệu điểm mỏ	Tên gọi	Xã	Diện tích (ha)	Chiều dày (m)	Tài nguyên (m3)	Nguồn gốc đất	Hiện trạng rừng
I	Hoài Nhơn			19,20		960.000		
1	TDHN30	Gò Bà Nông	Phường Bồng Sơn	19,20	5,0	960.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
II	Hoài Ân			30,40		2.022.800		
2	TDHA15	Gò Bà An	Ân Phong	4,20	6,0	252.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
3	TDHA17	An Hậu	Ân Phong	7,20	5,0	360.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
4	TDHA23	Hóc Đèo	Ân Tường Đông	4,60	5,0	230.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
5	TDHA28	Thôn Lộc Giang	Ân Tường Đông	14,40	8,2	1.180.800	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
III	Phù Mỹ			44,00		2.772.000		
6	TDPM10	Lạc Sơn 1	Mỹ Trinh	14	5	700.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
7	TDPM23	Hòa Nghĩa	Mỹ Hiệp	19,6	5	980.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích

8	TDPM26	Đa Thuận	Mỹ Hiệp	10,4	10,5	1.092.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
IV	Phù Cát			29,50		590.000		
9	TDPC11	Hòn Quýt	Cát Lâm	15	2	300.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
10	TDPC12		Cát Lâm	8,5	2	170.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
11	TDPC13	núi Một	Cát Hanh, Cát hiệp	6	2	120.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
V	Tây Sơn			47,00		2.350.000		
12	TDTS23		Tây Bình	5,7	5,0	285.000	Giao cho dân	Ngoài QH lâm nghiệp
13	TDTS27	ĐN Thôn 4	BìnhNghị	41,30	5,0	2.065.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
VI	An Nhơn			5,60		280.000		
14	174A (QĐ 4046)	Chà Rây	Nhơn Tân	5,60	5,0	280.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
Tổng cộng				175,70		8.974.800		

PHỤ LỤC V
CÁC MỎ CÁT SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN HOÀI NHƠN - QUY NHƠN

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin về giấy phép khai thác							
	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép	Ngày cấp	Diện tích (ha)	Vị trí mỏ khai thác	Thời hạn được phép khai thác	Công suất khai thác m3/năm	Trữ lượng cấp phép (m3)
1	Công ty TNHH Thương mại Minh Trực	32/GP-UBND gia hạn	14/4/2021	2,0	sông Kôn, phường Nhơn Hòa, An Nhơn	Đến ngày 30/9/2022	10.000	40.000
2	Công ty TNHH Thương mại Minh Trực	68/GP-UBND gia hạn	29/6/2021	0,76	sông Kôn, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	Đến ngày 30/9/2022	12.300	15.500
3	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và TM Yến Tùng	24/GP-UBND gia hạn	26/3/2021	1,0	sông Kôn, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	2 năm	10.000	14.150
4	Công ty TNHH Tổng hợp Tân Thành	78/GP-UBND	12/8/2021	3,5	sông Lại Giang, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	02 năm	12.000	80.453
5	Công ty TNHH Đắc Tài	07/GP-UBND (gia hạn)	13/01/2022	2,5	sông Kôn, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	9/10/2023	10.000	31.664
6	Công ty TNHH XD Thành Hương	16/GP-UBND (gia hạn)	25/1/2022	10,9	sông Lại Giang, xã Hoài Mỹ h. Hoài Nhơn	5/18/2023	27.000	198.017
7	Công ty TNHH XD Thành Hương	112/GP-UBND (gia hạn)	19/10/2021	3,0	sông Lại Giang, xã Hoài Hương h. Hoài Nhơn	02 năm	10.000	25.000

8	Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Phong	35/GP-UBND	26/5/2020	2,6	sông Kôn, xã Nhơn Mỹ, Thị xã An Nhơn	2 năm	11.262	65.000
9	Công ty TNHH An Phước	110/GP-UBND gia hạn	26/8/2022	1,0	sông La Vỹ, xã Cát Tường, huyện Phù Cát	9/30/2024	10.000	13.514
10	Công ty TNHH MTV An Vũ	51/GP-UBND gia hạn	26/6/2020	2,2	sông Kôn phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	2 năm	11.000	45.223
11	Công ty CP ĐT Phú Hưng Hà Nội	154/GP-UBND	28/11/2022	26,9	sông Kôn, xã Tây Xuân, Bình Hòa, TT Phú Phong, huyện Tây Sơn	2 năm	100.000	515.381
12	Công ty TNHH XD & TMTH Thảo Trinh	56/GP-UBND	16/7/2020	1,9	sông La Tinh, xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	2 năm	11.000	22.489
13	Công ty TNHH Xây dựng Trường Vũ	25/GP-UBND gia hạn	26/3/2021	2,0	sông Kim Sơn, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân	9/30/2021	15.000	18.690
14	Công ty TNHH MTV Thương Thương Nguyễn				sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn			200.000
15	Công ty TNHH MTV Thương Thương Nguyễn				sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn			240.000
Tổng cộng							249.562	1.525.081

PHỤ LỤC IV
CÁC MỎ ĐÁ SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN HOÀI NHƠN - QUY NHƠN

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin về giấy phép khai thác							
	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép	Ngày cấp	Diện tích (ha)	Vị trí mỏ khai thác	Thời hạn được phép khai thác	Công suất khai thác m3/năm	Trữ lượng cấp phép (m3)
1	Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức	23/QĐ-UBND	23/4/2008	7,2	mỏ đá núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	10 năm 25 năm	165.000	2.815.333
2	HTX Sản xuất Đá xây dựng Bình Đê	55/GP-UBND	05/8/2009	10,2	Tại mỏ đá Bình Đê, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	21,5 năm	85.000	2.724.000
3	Công ty Cổ phần Phú Tài	28/GP-UBND	05/4/2010	10	Tại mỏ đá núi Sơn Triều, xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn	25 năm	176.500	5.380.963
4	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thịnh	37/GP-UBND	06/6/2013	14,5	Tại sườn phía Tây đèo Bình Đê, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	30 năm	136.180	1.233.042
5	Công ty CP VLXD Mỹ Quang	40/GP-UBND	7/17/2014	8	Núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	30 năm	190.000	1.475.710

6	Công ty TNHH Khai thác đá và Xây dựng Ánh Sinh	34/GP-UBND	28/6/2017	3,6	mỏ đá núi Sơn Triều, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	15 năm	70.000	999.098
7	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thịnh Phát Quy Nhơn	16/GP-UBND	13/2/2018	10,13	Tại mỏ đá núi Sơn Triều, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	29 năm	115.000	3.742.990
8	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và TM Yên Tùng	65/GP-UBND	25/9/2018	6	mỏ đá núi Sơn triều, thôn Quy Hội, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	6 năm	100.000	347.965
Tổng cộng							847.680	18.719.101

PHỤ LỤC III
CÁC MỎ ĐẤT SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN QUẢNG NGÃI – HOÀI NHƠN
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

TT	Số hiệu điểm mỏ	Tên gọi	Xã	Diện tích (ha)	Chiều dày (m)	Tài nguyên (m3)	Nguồn gốc đất	Hiện trạng rừng
Thị xã Hoài Nhơn								
1	TDHN19	Thôn Cự Lễ	Hoài Hảo, Hoài Thanh Tây	19,60	7,6	1.489.600	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
2	TDHN25	Giao An	Hoài Tân	12,10	7,9	955.900	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
3	TDHN26	Giác Đôi	Hoài Tân	18,00	7,9	1.422.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
4	TDHN27	Đệ Đức	Hoài Tân	15,70	9,8	1.538.600	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
5	28D (QĐ 4046)		Hoài Tân	50,00	7,0	3.500.000	Giao cho dân	Rừng SX, chưa chuyển mục đích
Tổng cộng				115,4		8.906.100		

PHỤ LỤC II
CÁC MỎ CÁT SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN QUẢNG NGÃI – HOÀI NHƠN
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin về giấy phép khai thác							
	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép	Ngày cấp	Diện tích (ha)	Vị trí mỏ khai thác	Thời hạn được phép khai thác	Công suất khai thác m3/năm	Trữ lượng cấp phép (m3)
1	Công ty TNHH Tổng hợp Tân Thành	78/GP-UBND	12/8/2021	3,5	sông Lại Giang, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	02 năm	12.000	80.453
2	Công ty TNHH XD Thành Hương	16/GP-UBND (gia hạn)	25/1/2022	10,9	sông Lại Giang, xã Hoài Mỹ h. Hoài Nhơn	5/18/2023	27.000	198.017
3	Công ty TNHH Quốc Nghiệp	109/GP-UBND	25/8/2022	1,8	sông An Lão, xã An Hòa, An Lão	2 năm	9.786	27762
4	Công ty TNHH DV TM Ngọc Lâm	12/GP-UBND	09/2/2023	2,6	sông An Lão, xã An Hòa, huyện An Lão	2 năm	11.561	29.433
5	Công ty TNHH Tổng hợp Thành Tín	81/GP-UBND gia hạn	19/10/2020	2,0	sông An Lão, xã An Hòa, huyện An Lão	2 năm	10.000	31.265
6	Công ty TNHH Xây dựng Trường Vũ	25/GP-UBND gia hạn	26/3/2021	2,0	sông Kim Sơn, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân	9/30/2021	15.000	18.690
Tổng cộng							85.347	385.620

PHỤ LỤC I
CÁC MỎ ĐÁ SỬ DỤNG CHO CAO TỐC ĐOẠN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin về giấy phép khai thác							
	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép	Ngày cấp	Diện tích (ha)	Vị trí mỏ khai thác	Thời hạn được phép khai thác	Công suất khai thác m3/năm	Trữ lượng cấp phép (m3)
1	HTX Sản xuất Đá xây dựng Bình Đê	55/GP-UBND	05/8/2009	10,2	Tại mỏ đá Bình Đê, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	21,5 năm	85.000	2.724.000
2	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thịnh	37/GP-UBND	06/6/2013	14,5	Tại sườn phía Tây đèo Bình Đê, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	30 năm	136.180	1.233.042
3	Công ty TNHH TM Hoài Mỹ	53/GP-UBND	16/6/2011	7,8	sườn núi thôn Hy Thế, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	22 năm	40.000	910.270
4	Công ty TNHH XD TH Kim Thành	56/GP-UBND	01/11/2013	18,6	Tại thôn Túy Sơn, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn	21 năm	10.000	191.445
Tổng cộng							271.180	5.058.757